

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/KDTM-PT
Ngày 23-5-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ
pháp lý

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Thẩm phán: Bà Trần Thu Hương
Bà Vũ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Bà Ngô Kiều Dâng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLPT-KDTM ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 07/2018/KDTM-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1536/2019/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1830/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn A; địa chỉ: Tầng 4 Tòa nhà H, số 102 TT, phường TL, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Lê Đình V (Chức vụ Giám đốc Công ty). Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Ông Hoàng Đức P; vắng mặt
2. Ông Vũ Văn K; có mặt

Cùng là nhân viên Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn A (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 09/2018/UQ-MT ngày 06/7/2018).

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần Thương mại TP; địa chỉ: Số 171 đường C 2, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trịnh Văn T – Chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại TP (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 25/2019/UQ ngày 25/3/2019); Có mặt

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày: Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn A (sau đây viết tắt là Công ty Luật A) và Công ty Cổ phần Thương mại TP (sau đây viết tắt là Công ty TP) ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 10/2017/HĐDV-MT ngày 28/4/2017 và Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 20-2017/HĐDV-MT ngày 15/6/2017 có nội dung cơ bản giống nhau đó là: Công ty TP thuê Công ty Luật A tư vấn pháp luật, cử người đại diện theo ủy quyền hoặc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong việc giải quyết tranh chấp hợp đồng đối với cá nhân, pháp nhân chưa thanh toán tiền cho Công ty TP. Công ty TP thanh toán thù lao cố định ngay sau khi ký kết hợp đồng và sẽ thanh toán cho Công ty Luật A thù lao theo kết quả giải quyết công việc được tính bằng 45% số tiền mà Công ty TP thực tế được thanh toán. Trường hợp Công ty TP đơn phương chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý khi không được sự đồng ý của Công ty Luật A, thì Công ty TP phải thanh toán cho Công ty Luật A số tiền bằng thù lao giải quyết công việc.

Thực hiện Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 10/2017/HĐDV-MT ngày 28/4/2017, Công ty Luật A tư vấn pháp luật, nhận ủy quyền của Công ty TP tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng giải quyết tranh chấp Hợp đồng cung cấp, gia công lắp đặt toàn bộ cửa gỗ chò chỉ đối với ông Lê Văn Yên. Công ty TP thanh toán cho Công ty Luật A thù lao cố định là 10.000.000 đồng. Ngày 18/6/2018, Công ty Luật A nhận được văn bản số 05/2018/CV-TA ngày 14/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện An Dương về việc Công ty TP có Văn bản số 41/2018/CV-TP ngày 18/5/2018 thông báo chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty Luật A. Ngày 23/6/2018, Công ty Luật A có Văn bản số 99/2018/CV-MT về việc Công ty TP vi phạm hợp đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng và phải thanh toán số tiền bằng 45% thù lao theo kết quả giải quyết công việc (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (GTGT)) là: $(45\% \times 287.397.855 \text{ đồng}) + 10\% \times (45\% \times 287.397.855 \text{ đồng}) = 142.261.938 \text{ đồng}$. Bị đơn không chấp nhận Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 17/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện A tuyên buộc ông Lê Văn Y phải thanh toán cho

Công ty TP 148.309.720 đồng và tiền lãi chậm thi hành án theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự, mà phải căn cứ số tiền 287.397.855 đồng theo Đơn khởi kiện ngày 14/6/2017 của Công ty TP gửi đến Tòa án nhân dân huyện A.

Thực hiện Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 20/2017/HĐDV-MT ngày 15/6/2017, Công ty Luật A tư vấn pháp luật, nhận ủy quyền của Công ty TP tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng giải quyết tranh chấp Hợp đồng giao khoán số 16-3/HĐGK ngày 16/3/2011 giữa Công ty TP với Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư xây dựng Tt(sau đây viết tắt là Công ty Trường Thành). Công ty Luật A phân công chuyên viên nghiên cứu, tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TP. Tòa án nhân dân quận H ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2018/QĐST-KDTM ngày 25/01/2018 với nội dung: Buộc Công ty Tt phải thanh toán 150.000.000 đồng trước ngày 31/5/2018, thanh toán đợt 02 là 150.000.000 đồng trước ngày 31/8/2018. Sau đó, Công ty Tt đã thanh toán số tiền đợt 1 là 150.000.000 đồng. Các ngày 12/6/2018, ngày 21/6/2018, Công ty Luật A có Văn bản số 87/2018/CV-MT, Văn bản số 95/ 2018/CV-MT đều yêu cầu Công ty TP phải thanh toán tiền thù lao. Tuy nhiên, Công ty TP chưa thanh toán thù lao cố định là 15.000.000 đồng và thù lao theo kết quả giải quyết công việc. Ngày 23/6/2018, Công ty Luật A có Văn bản số 99/2018/CV-MT thông báo về việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán của Công ty TP theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 20/2017/HĐDV-MT ngày 15/6/2017 với số tiền là: Tiền thù lao cố định 15.000.000 đồng + Tiền thù lao giải quyết công việc (45% x 150.000.000 đồng) + Tiền thuế GTGT (10% x 45% x 150.000.000 đồng) = 90.750.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, Công ty Luật A yêu cầu buộc Công ty TP phải thanh toán tổng số tiền là 233.011.938 đồng theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 10/2017/HĐDV-MT ngày 28/4/2017 và Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 20-2017/HĐDV-MT ngày 15/6/2017 với phương pháp xác định nêu trên. Công ty Luật A sẽ khởi kiện buộc Công ty TP thanh toán tiền thù lao giải quyết công việc và tiền thuế GTGT, trong trường hợp Công ty Tt tiếp tục thanh toán số tiền cụ thể trong số tiền 150.000.000 đồng chưa thanh toán cho Công ty TP.

Tại các bản tự khai, biên bản các phiên họp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn là anh Trịnh Văn Tú trình bày: Bị đơn thừa nhận nội dung, quá trình thực hiện các Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 10/2017/HĐDV-MT ngày 28/4/2017, Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 20/2017/HĐDV-MT ngày 15/6/2017 như người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã trình bày nêu trên. Bị đơn thừa nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền thù lao của Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 20/2017/HĐDV-MT ngày 15/6/2017 do Công ty TP nhận được số tiền 150.000.000 đồng của Công ty Tt gồm: Tiền thù lao cố định là 15.000.000 đồng và tiền thù lao giải quyết công việc là 45% x 150.000.000 đồng. Do gặp khó khăn về tài chính, phải sử dụng số tiền của Công

ty Ttthanh toán để trả nợ, nên bị đơn sẽ thanh toán nhiều lần cho nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn không chấp nhận thanh toán các yêu cầu khác của nguyên đơn vì thực tế chưa được thanh toán từ ông Lê Văn Y và trách nhiệm của Công ty Luật A thiếu hẳn cán tư vấn dịch vụ pháp lý, thực tế thi hành án việc chậm thanh toán. Bị đơn phải đơn phương chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý đối với Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 20/2017/HĐDV-MT ngày 15/6/2017 vì thực trạng khó khăn kinh tế không thể thi hành án đối với ông Lê Văn Yên. Mặt khác, Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng giải quyết, xét xử vắng mặt ông Lê Văn Yên theo quy định của pháp luật là nội dung tư vấn pháp lý không đầy đủ cho bị đơn. Công ty Luật A thông báo bằng miệng về việc Công ty TP phải chịu thanh toán thù lao giải quyết công việc kể cả trong trường hợp không thu hồi được nợ là không thể chấp nhận được.

Tại Bản án số 07/2018/KDTM-ST ngày 20/11/2018, Tòa án nhân dân quận H quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 142, 143, 144, 145, 146, 147, 148; 74, 75, 76, 78, 79, 80, 81, 82, 85, 86 và 87 của Luật Thương mại năm 2005; Điều 428, 515, 516, 517, 518, 519 và 520 của Bộ luật Dân sự; Điều 21, 26 và 28 của Luật Luật sư năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư năm 2012; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc Công ty Cổ phần Thương mại TP phải thanh toán cho Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn A số tiền thù lao của Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 20/2017/ HĐDV-MT ngày 15 tháng 6 tháng 2017 là 82.500.000đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn A đối với số tiền 150.511.000đồng về việc thanh toán thù lao giải quyết công việc theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 10/2017/HĐDV-MT ngày 28 tháng 4 năm 2017 và tiền thuế giá trị gia tăng của hai hợp đồng dịch vụ pháp lý nêu trên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền chưa thanh toán, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 06/12/2018, nguyên đơn Công ty Luật A kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm:

- Buộc bị đơn thanh toán tiền thuế GTGT tính trên số tiền thù lao cố định và thù lao trên kết quả công việc phát sinh từ hợp đồng số 20/2017/HĐDV-MT ngày 15/6/2017 là 8.250.000đ.

- Buộc bị đơn thanh toán số tiền 142.261.938đ phát sinh từ hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý số 10/2017/HĐDV-MT ngày 28/4/2017.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện của nguyên đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận việc Công ty Luật A yêu cầu Công ty TP phải thanh toán tiền thuế GTGT theo Hợp đồng số 20/2017/HĐDV-MT ngày 15/6/2017 là không có căn cứ và trái quy định của pháp luật. Mặt khác, theo Điều 3 của Hợp đồng hai Công ty đã có thỏa thuận là các khoản chi phí, thù lao chưa bao gồm thuế GTGT. Như vậy, khoản tiền thù lao cố định 15.000.000đ và phần trăm kết quả công việc 67.500.000đ là chưa bao gồm thuế GTGT. Theo quy định của Luật Thuế GTGT thì Công ty TP là người tiêu dùng dịch vụ nên phải có trách nhiệm chi trả và Công ty A sẽ là người nộp thuế.

Công ty TP đã có hành vi đơn phương chấm dứt Hợp đồng số 10/2017/HĐDV-MT ngày 28/4/2017 là hoàn toàn có lỗi theo quy định tại khoản 3, 5 Điều 428 Bộ luật Dân sự. Theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 của Hợp đồng quy định đối với trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng thì Công ty TP phải có trách nhiệm thanh toán một khoản thù lao là 45% của số tiền đã nhận được hoặc có thể nhận được. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Công ty A đã làm rất nhiều công việc. Do vậy, hoàn toàn có đủ căn cứ để Công ty A yêu cầu Công ty TP phải thanh toán khoản tiền thù lao bằng 45% theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng cụ thể là bằng 142.261.938đ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện của bị đơn trình bày: Không đồng ý với nội dung kháng cáo của nguyên đơn vì nguyên đơn phải là người nộp thuế cho Nhà nước. Đối với việc chấm dứt Hợp đồng số 10/2017/HĐDV-MT ngày 28/4/2017 thì phía bị đơn đã có thông báo với nguyên đơn và trong quá trình thực hiện hợp đồng thì nguyên đơn cũng thiếu mặn cán, thiếu trách nhiệm. Hơn nữa, đến thời điểm hiện tại thì bị đơn chưa nhận được một khoản tiền nào từ phía ông Yên. Nguyên đơn yêu cầu thanh toán khoản tiền thù lao bằng 45% trong trường hợp này là hoàn toàn vô lý. Do vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm tuyên án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đối với tiền thuế GTGT thì do Công ty A chưa thực hiện việc nộp thuế thay cho Công ty TP nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của Công ty A. Đến thời điểm hiện tại chưa xác định được số tiền thực tế mà phía Công ty TP nhận được từ ông Yên nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của Công ty A. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

- Xét các nội dung kháng cáo:

[1]. Đối với yêu cầu thanh toán tiền thuế GTGT tính trên số tiền thù lao cố định và thù lao trên kết quả công việc phát sinh từ hợp đồng số 20/2017/HĐDV-MT ngày 15/6/2017 của Công ty Luật A, nhận thấy; ngày 12/6/2018 và ngày 22/7/2018, Công ty Luật A xuất hóa đơn GTGT số 370 và số 349 cho Công ty TP với số tiền thuế GTGT của 02 hóa đơn là 8.250.000đ.

[1.1]. Theo Điều 2 Luật Thuế GTGT quy định: “Thuế giá trị gia tăng là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.” Điều 3 Luật Thuế GTGT quy định: “Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng..” và Điều 4 Luật Thuế GTGT quy định: “Người nộp thuế giá trị gia tăng là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng...” Như vậy, Thuế GTGT là một loại thuế gián thu cho nên Công ty TP là người tiêu dùng dịch vụ pháp lý nên phải là người phải chịu thuế. Công ty A là người có trách nhiệm nộp thuế cho Nhà nước.

[1.2]. Hơn nữa, theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 của Hợp đồng số 20/2017/HĐDV-MT ngày 15/6/2017 quy định: “Các khoản chi phí, thù lao nêu tại Điều 4 chưa bao gồm 10% thuế GTGT”. Do vậy, số tiền thuế GTGT theo 02 Hóa đơn số 370 ngày 12/6/2018 và Hóa đơn số 349 ngày 22/7/2018 với số tiền là 8.250.000đ Công ty TP phải thanh toán cho Công ty Luật A là đúng nên kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận.

[2]. Đối với yêu cầu buộc Công ty TP phải thanh toán số tiền 142.261.938đ phát sinh từ hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý số 10/2017/HĐDV-MT ngày 28/4/2017, nhận thấy; Ngày 18/5/2018, Công ty TP có

văn bản thông báo về việc chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty Luật A gửi Tòa án nhân dân huyện An Dương.

[2.1]. Theo quy định tại đoạn 3 khoản 3 Điều 4 của Hợp đồng số 10/2017/HĐDV-MT ngày 28/4/2017 các bên thỏa thuận: *“Trường hợp Hợp đồng bị chấm dứt do Bên A (Công ty TP) đơn phương chấm dứt hợp đồng khi không được sự đồng ý của Bên B (Công ty Luật A), làm cho Bên B không thể tiếp tục thực hiện được công việc, thì Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B một khoản thù lao là 45% theo quy định tại khoản 2 Điều 4 hợp đồng này đối với số tiền hoặc giá trị tài sản quy ra tiền Công ty TP đã nhận được hoặc có thể nhận được”*.

[2.2]. Theo khoản 2 Điều 4 quy định: *“Trường hợp Bên B tư vấn, đại diện cho Bên A đàm phán, tham gia tố tụng, thi hành án làm cho Bên A thu được một phần hoặc toàn bộ khoản tiền từ việc giải quyết tranh chấp với ông Lê Văn Yên thì Bên A sẽ thanh toán 45% của số tiền nợ gốc, tiền lãi, tiền bồi thường thiệt hại, hoặc các khoản tiền khác (nếu Bên B nhận được) từ ông Lê Văn Yên hoặc bên thứ ba có liên quan thanh toán.”*

[2.3]. Và theo đoạn 1 khoản 3 Điều 4 quy định: *“Thù lao theo kết quả giải quyết việc được thanh toán ngay sau khi Bên A nhận được tiền từ ông Lê Văn Yên hoặc bên thứ ba liên quan thanh toán.”*

[2.4]. Công ty Luật A căn cứ trên số tiền 287.397.855đ theo như Đơn khởi kiện ngày 14/6/2017 đối với ông Lê Văn Yên để tính số tiền số tiền thù lao kết quả công việc là không có cơ sở. Bởi lẽ; vì đây chỉ là số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Lê Văn Yên phải thanh toán và chưa được Tòa án chấp nhận. Hơn nữa, tại Bản án số 04/2018/DS-ST ngày 17/8/2018, Tòa án nhân dân huyện An Dương chỉ buộc ông Lê Văn Yên phải trả Công ty TP số tiền 148.309.720đ và bản án đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại ông Lê Văn Yên chưa thanh toán được một khoản tiền nào cho Công ty TP. Như vậy, Công ty TP chưa nhận được tiền từ ông Lê Văn Y và cũng không xác định được số tiền mà Công TP nhận được từ ông Lê Văn Y theo như thỏa thuận tại khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng số 10/2017/HĐDV-MT ngày 28/4/2017 nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Án phí sơ thẩm: Công ty TP phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho Công ty Luật A là 90.750.000đ. Công ty Luật A phải chịu án phí đối với số tiền không được Tòa án chấp nhận là 142.261.938đ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 BLTTDS.

[3.2]. Án phí phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo nên người kháng cáo là Công ty Luật A không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 2, Điều 3 và Điều 4 của Luật thuế Giá trị gia tăng;

Căn cứ vào các điều 142, 143, 144, 145, 146, 147, 148; 74, 75, 76, 78, 79, 80, 81, 82, 85, 86 và 87 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 428, 515, 516, 517, 518, 519 và Điều 520 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 21, 26 và 28 của Luật Luật sư năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Sửa Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 07/2018/KDTM-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng.

1. Buộc Công ty Cổ phần Thương mại TP phải thanh toán cho Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn A số tiền thù lao của Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 20/2017/HĐDV-MT ngày 15 tháng 6 tháng 2017 là 82.500.000đ (*Tám mươi hai triệu, lăm trăm nghìn đồng*).

2. Buộc Công ty Cổ phần Thương mại TP phải thanh toán cho Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn A số tiền 8.250.000đ (*Tám triệu hai trăm lăm mươi nghìn đồng*) thuế Giá trị gia tăng theo 02 Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0000349 ngày 22 tháng 7 năm 2017 và Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0000370 ngày 12 tháng 6 năm 2018.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền chưa thanh toán, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn A đối với số tiền 142.261.938đ (*Một trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi một nghìn, chín trăm ba tám đồng*) về việc thanh toán thù lao giải

quyết công việc theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 10/2017/HĐDV-MT ngày 28 tháng 4 năm 2017.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần Thương mại TP phải chịu 4.537.500đ (*Bốn triệu, lăm trăm ba mươi bảy nghìn, lăm trăm đồng*) án phí sơ thẩm. Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn A phải chịu 7.113.000đ (*Bảy triệu, một trăm mười ba nghìn đồng*) án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 5.825.000đ (*Năm triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0007909 ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hải Phòng. Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn A phải chịu 1.288.000đ (*Một triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

- Án phí phúc thẩm: Trả lại cho Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn A số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0008032, ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hải Phòng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hà

Trần Thu Hương

Nguyễn Văn Dương